

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số **407** /QĐ-HVTC ngày **14 / 4** /2025 của Giám đốc  
Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	<b>LUẬT</b> (Tên Tiếng Anh: <b>Law</b> )
- MÃ NGÀNH:	<b>7380101</b>
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	<b>LUẬT KINH DOANH</b> (Tên Tiếng Anh: <b>Business Law</b> )
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	<b>17.01</b>
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	<b>Đại học (Chương trình chuẩn)</b>
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	<b>Chính quy</b>
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	<b>Cử nhân</b>
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	<b>Học viện Tài chính</b>
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	<b>2025 (Từ khóa 63)</b>

### 1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

### 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo (CTĐT) Luật kinh doanh, ngành Luật trình độ đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống, nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật. Người học sau khi tốt nghiệp có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý, làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp hội nhập quốc tế.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives)

##### 2.2.1. Về kiến thức

**PO1:** Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị; công nghệ thông tin (CNTT), Tiếng Anh cơ bản để tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật, hình thành tư duy logic.



- Có kiến thức cơ bản về GDQP&AN, GDTC để vừa rèn luyện sức khỏe; nâng cao tính kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước.

**PO2:** Có kiến thức cơ bản, nền tảng về pháp luật để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

**PO3:** - Có kiến thức chung về ngành Luật (Luật Hiến pháp, Luật hành chính và tổ tụng hành chính, Luật dân sự và tổ tụng dân sự; Luật hình sự và tổ tụng hình sự; Công pháp quốc tế; Tư pháp quốc tế) để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực Pháp luật.

- Có kiến thức chuyên môn: Pháp luật cạnh tranh, Pháp luật sở hữu trí tuệ, Pháp luật lao động, Pháp luật đất đai, Luật thương mại quốc tế, Pháp luật chứng khoán để hỗ trợ cho nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành Luật kinh doanh.

**PO4:** - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về pháp luật như: Luật thương mại, Pháp luật tài chính, Pháp luật ngân hàng nhà nước và tổ chức tín dụng, Luật đầu tư, Pháp luật kinh doanh bảo hiểm, Pháp luật hợp đồng.

- Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Pháp luật kinh doanh để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, định hướng nghề nghiệp phù hợp với người học sau khi tốt nghiệp.

### **2.2.2. Về kỹ năng**

**PO5:** - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Pháp luật và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

### **2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**PO6:** - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội.

## **2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp**

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia học và thi lấy chứng chỉ hành nghề như: Luật sư; Công chứng viên; Trọng tài viên; Hòa giải viên; Quản tài viên; Thừa phát lại...

## **2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Luật kinh doanh, ngành Luật có cơ hội và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực pháp luật

trong các cơ quan Nhà nước; các công ty, tổ chức, tập đoàn trong nước và quốc tế; cụ thể:

+ Sinh viên có khả năng đảm nhận công việc chuyên môn tại tổ chức pháp chế, bộ phận pháp chế của các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp.

+ Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực pháp luật tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu, ....

+ Sinh viên có cơ hội được đào tạo nghề và thi các chứng chỉ cần thiết để trở thành luật sư tại các văn phòng luật sư, các công ty luật; trở thành công chứng viên tại các phòng công chứng, văn phòng công chứng; trở thành nhân viên tại các văn phòng thừa phát lại; trở thành các hoà giải viên tại các trung tâm hoà giải, trọng tài viên tại các trung tâm trọng tài trong nước và quốc tế...

+ Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật cũng có thể đảm nhận công việc là các nghiên cứu viên, biên tập viên pháp luật tại các viện nghiên cứu, các cơ quan báo chí.

+ Sinh viên có thể trở thành cán bộ, công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ ngành toà án, ngành kiểm sát, ngành thi hành án, và các ngành khác có liên quan.

Như vậy, tùy vào nhu cầu cũng như thế mạnh riêng của người học, mỗi sinh viên của ngành Luật, Học viện Tài chính đều có cơ hội tiếp cận nhiều vị trí công việc khác nhau, từ đó đem lại nguồn lao động dồi dào và có chất lượng cao cho xã hội, có tác động tích cực tới sự phát triển của đất nước nói chung.

### **3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)**

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Luật kinh doanh, ngành Luật trình độ đại học đáp ứng các quy định về chuẩn đầu ra của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

#### **3.1. Về kiến thức**

##### **3.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương**

**PLO1:** Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

**PLO2:** - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin, Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

**PLO3:** Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

### **3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và hỗ trợ**

#### **\* Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

**PLO4:** - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật, bao gồm: Kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật.

- Áp dụng được kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc.

- Sử dụng Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên môn phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

#### **\* Kiến thức ngành và hỗ trợ:**

**PLO5:** Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp các vấn đề về: Luật hiến pháp; nhóm kiến thức pháp luật hành chính; nhóm kiến thức pháp luật dân sự; nhóm kiến thức pháp luật hình sự; nhóm kiến thức luật quốc tế;

**PLO6:** Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên môn như: Pháp luật cạnh tranh, Pháp luật sở hữu trí tuệ, Pháp luật lao động, Pháp luật đất đai, Luật thương mại quốc tế, Pháp luật chứng khoán, trong tiếp cận và giải quyết vấn đề để hỗ trợ cho nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành luật kinh doanh..

### **3.1.3. Kiến thức chuyên ngành**

**PLO7:** Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực tiễn về CTĐT Pháp luật kinh doanh, hiểu và vận dụng được quy phạm pháp luật, kiến thức pháp lý chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn; có khả năng lập kế hoạch, tổ chức giám sát quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh doanh.

**PLO8:** Áp dụng được kiến thức thực tế, chuyên sâu; thực hành nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp, từ đó tạo tiền đề để tham gia thị trường lao động sau khi ra trường.

### **3.2. Về kỹ năng**

**PLO9:** - Có khả năng giao tiếp và tương tác thân thiện, hiệu quả;

- Có kỹ năng tóm tắt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin, quy định pháp luật; kỹ năng phản biện;...

- Có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật, phát hiện vấn đề và giải quyết các vấn đề pháp lý;

- Có kỹ năng diễn đạt, trình bày bằng lời nói hoặc văn bản các tri thức chuyên môn, các lập luận, quan điểm, giải pháp pháp lý; biết soạn thảo các văn bản pháp lý;

- Có kỹ năng làm việc nhóm, khả năng NCKH hiệu quả;

- Có kỹ năng khởi nghiệp, thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

**PLO10:** - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số theo quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

### **3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

**PLO11:** - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

**PLO12:** - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

## **4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH**

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

**4.1. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT và tương đương.

### **4.2. Tiêu chí tuyển sinh:**

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

**4.3. Phương thức tuyển sinh:** Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

## 5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>41</b>	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
<b>B</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>90</b>	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	<b>Tổng số tín chỉ</b> (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	<b>131</b>	
	<b>Tổng số tín chỉ</b> (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	<b>120</b>	

Ghi chú: - (\*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

### 5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NGGD (T.Anh)
<b>A</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>41</b>		
<b>A1</b>		<b>Kiến thức chung</b>	<b>30</b>		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<b>24</b>		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
9	ITO0236	Tin học	2	30	
10	GEP0319	Tâm lý học đại cương	2	30	
		<b>Phần tự chọn</b>	<b>6</b>		
		<i>Nhóm 1</i>			
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>			
12	SOC0248	Xã hội học	2	30	
13	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
14	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
15	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
<b>A2</b>		<b>Kiến thức GDQP&amp;AN, GDTC</b>	<b>11</b>		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<b>Phần bắt buộc</b>	<b>1</b>		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<b>Phần tự chọn</b>	<b>2</b>		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thể dục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
<b>B</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>90</b>		
<b>B1</b>		<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>	<b>6</b>		
26	HPL1221	Lịch sử các học thuyết chính trị-pháp lý	3	45	
27	LAL0528	Nghề luật và đạo đức nghề luật	3	45	
<b>B2</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>24</b>		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	TSL1038	Lý luận nhà nước và pháp luật	4	60	
31	HSL0110	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	45	
32	AWL0199	Lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật	3	45	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
33	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
34	DLD1030	Xây dựng văn bản pháp luật	2	30	
35	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
<b>B3</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>16</b>		
36	COL0112	Luật hiến pháp	2	30	
37	ALP1120	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	3	45	
38	CLC0115	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	3	45	
39	CLP1030	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	4	60	
40	IPL0110	Công pháp quốc tế	2	30	
41	INJ0201	Tư pháp quốc tế	2	30	
<b>B4</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>14</b>		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
42	CLW0210	Luật thương mại	4	60	
43	ILN0301	Luật đầu tư	2	30	
44	FIL3100	Pháp luật tài chính	3	45	
45	LSB0810	Pháp luật ngân hàng nhà nước và các tổ chức tín dụng	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>2</i>		
46	IBL0603	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm	2	30	
47	COL0310	Pháp luật hợp đồng (Contract law)	2	30	Tiếng Anh
<b>B5</b>		<b>Kiến thức bổ trợ</b>	<b>20</b>		
		<i>Phần bắt buộc</i>	<i>12</i>		
48	FLC0336	Pháp luật cạnh tranh	2	30	
49	LAI0340	Pháp luật sở hữu trí tuệ	2	30	
50	LBL0038	Pháp luật lao động	2	30	
51	LOL0337	Pháp luật đất đai	2	30	
52	CLI0211	Luật thương mại quốc tế	2	30	
53	SEL1101	Pháp luật chứng khoán	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	<i>8</i>		
		<i>Nhóm 1</i>	<i>2</i>		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
		<i>Nhóm 2</i>	4		
59	MFL0206	Pháp luật hôn nhân và gia đình	2	30	
60	LAC0190	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	30	
		<i>Nhóm 3</i>	2		
61	CIT1100	Đầu tư xanh	2	30	
62	SBU0410	Khởi nghiệp kinh doanh	2	30	
63	MCB0180	Kinh tế đầu tư căn bản	2	30	
<b>B6</b>		<b>Thực tập tốt nghiệp</b>	<b>10</b>		
64	SPR1701	Thực tập tốt nghiệp – 17.01	10	150	
		<i>Thực tập cuối khoá (thực hành)</i>	7	105	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	3	45	
		<b>Tổng số tín chỉ</b> (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	<b>131</b>		
		<b>Tổng số tín chỉ</b> (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	<b>120</b>		

*Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến  
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh*

### 5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ (dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
<b>A</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn		x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
<b>B</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn				x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp							x	x

*Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.*

## **6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **6.1. Quy trình đào tạo**

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp).

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

### **6.2. Phương pháp giảng dạy:**

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy – học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,...nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

### **6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:**

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy – học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy – học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

#### **6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

### **7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Luật kinh doanh (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Luật; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Luật kinh doanh được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**TRƯỞNG KHOA**

**Nguyễn Đình Hoàn**

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trương Thị Thủy**